Vietnam Tariff Intelligence

HS 9818.20 detail

HS code	9818.20
Description	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bơm chất lỏng, không lắp dụng cụ đo lường:
Unit	
Generated	02/11/2026 16:48:07
Data version	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Verification status	Tariff data checked against the source file; advice/mappings are indicative; FTA eligibility not verified.
Link	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/981820/

7 tariff lines under 9818.20

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9818.20.10	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bơm chất lỏng, không lắp dụng cụ đo lường: / - - Bơm nước bằng tay		5%	0%	No data
9818.20.21	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bơm nước hoặc bơm nhiên liệu, dùng cho động cơ đốt trong kiểu piston: / - - Loại ly tâm		5%	0%	No data
9818.20.21	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bơm nước hoặc bơm nhiên liệu, dùng cho động cơ đốt trong kiểu piston: / - - Loại ly tâm		5%	0%	No data
9818.20.29	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bơm nước hoặc bơm nhiên liệu, dùng cho động cơ đốt trong kiểu piston: / - - Loại khác, trừ loại chuyển động tịnh tiến hoặc chuyển động quay		5%	0%	No data
9818.20.31	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bơm ly tâm khác: / - - Bơm nước một tầng, một chiều hút, trục ngang được truyền động bằng dây đai hoặc khớp nối trực tiếp, trừ loại bơm đồng trục với động cơ: / - - - Với đường kính cửa hút không quá 200mm		5%	0%	No data
9818.20.39	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bơm ly tâm khác: / - - Bơm nước một tầng, một chiều hút, trục ngang được truyền động bằng dây đai hoặc khớp nối trực tiếp, trừ loại bơm đồng trục với động cơ: / - - - Loại khác		5%	0%	No data
9818.20.90	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Bộ phận của bơm thuộc phân nhóm 8413.70.11 và 8413.70.19		5%	0%	No data

This report is for reference, generated from the source tariff data and advisory rules. It is not a customs decision and does not confirm HS classification, FTA eligibility or legal validity. Users must verify against current legislation.